

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 70/2025/DS-PT

Ngày 21/02/2025

V/v “Chia di sản thừa kế; huỷ giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Việt Hà;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 566/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “Chia di sản thừa kế; huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1012/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị D, sinh năm 1943; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1989; có mặt.

Cùng địa chỉ: số nhà 01/70 phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thị T - Công ty luật TNHH Thiên T1, Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

*** Bị đơn:**

1. Bà Bùi Thị X, sinh năm 1939 (chết năm 2022); địa chỉ: số 02/97, phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1937; địa chỉ: số 02/97, phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Vũ Văn Đ1, bà Lê Thị B; địa chỉ: số 03/97, phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ1: Luật sư Nguyễn Văn H1 - Công ty luật TNHH Phúc Khánh H1, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng 2 Toà nhà Trung Yên 1, khu đô thị Trung Yên, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Ông Vũ Văn H2, sinh năm 1966; hiện đang ở Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Thanh Hoá; địa chỉ: xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá; *Người giám hộ:* Giám đốc Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Thanh Hoá; vắng mặt.

3. Ông Vũ Văn B1, sinh năm 1979; địa chỉ: phường Bình Hoà, thị xã Lái Thiêu, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị B; vắng mặt.

5. Anh Vũ Văn S, sinh năm 1981; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Thành Vinh, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá.

6. Bà Lê Thị D1, sinh năm 1973; địa chỉ: số 01/60 phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà B và bà D1: Ông Vũ Văn S; vắng mặt.

7. Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn Tiền Châu, xã Minh nghĩa, huyện Nông Cống, Thanh Hoá; vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn Tứ Luyện, xã Hoàng Đạo, huyện Hoàng Hoá, Thanh Hoá; vắng mặt.

9. Anh Vũ Văn Th1, sinh năm 1989; vắng mặt.

10. Anh Vũ Văn H3, sinh năm 1995; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Tiền Châu, xã Minh nghĩa, huyện Nông Cống, Thanh Hoá.

11. Bà Vũ Thị T1; địa chỉ: số 12/103 phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa; vắng mặt.

12. Bà Vũ Thị Th2, sinh năm 1977; địa chỉ: số 20A, đường số 9, KP. Bình Hoà, thành phố Thuận An, Bình Dương; vắng mặt.

12. Uỷ ban nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Đại lộ Nguyễn Hoàng, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hoá; vắng mặt.

13. Uỷ ban nhân dân phường Đông Hải, thành phố Thanh Hoá; địa chỉ: Phường Đông Hải, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại các đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:***

Bố, mẹ tôi là ông Vũ Văn S1, bà Nguyễn Thị Q1 sinh được 04 người con gồm các ông, bà: Vũ Văn H3 (chết năm 2009), Vũ Văn S2 (chết năm 1992), Vũ Văn Đồng (chết năm 1998) và tôi Vũ Thị D. Từ những năm 1960, bố mẹ tôi tạo lập được khối tài sản chung là khoảng 2500m² đất thổ cư tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Do thời điểm này Nhà nước chưa đo vẽ bản đồ địa chính nên toàn bộ diện tích đất là tài sản chung của bố mẹ tôi chưa có sổ thừa và tờ bản đồ cụ thể.

Ngày 06/5/1979, bố tôi chết không để lại di chúc, toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên được giao cho mẹ tôi là bà Nguyễn Thị Q1 trực tiếp quản lý, sử dụng. Ngày 15/7/1987, mẹ tôi chết không để lại di chúc.

Khi còn sống, bố mẹ tôi chưa tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất cho các con, mà tạm giao cho anh trai của tôi là ông Vũ Văn H3 quản lý sử dụng do ông H3 là con cả trong gia đình và ở cùng với bố mẹ. Năm 1992 ông Vũ Văn S2 chết, ông H3 cho vợ ông S2 là bà Lê Thị Đ một phần đất để vợ con ông S2 xây nhà ở.

Khi còn sống, bố mẹ tôi chưa thực hiện việc tặng cho ai quyền sử dụng đất. Từ khi bố mẹ chết đến nay, gia đình ông Vũ Văn H3 (vợ là bà Bùi Thị X) và gia đình ông Vũ Văn S2 (vợ là bà Lê Thị Đ) trực tiếp sử dụng đất bố mẹ tôi để lại. Các anh chị em chúng tôi chưa họp, thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bố mẹ. Gần đây, tôi có nguyện vọng muốn phân chia di sản thừa kế bố mẹ tôi để lại, để gia đình bà X, bà Đ sinh sống ổn định, và các anh chị em khác cũng nhận được phần tài sản thừa kế của mình theo quy định của pháp luật, nên đã nhiều lần đề nghị bà X, bà Đ phân chia di sản thừa kế, nhưng hai bà không đồng ý, vì cho rằng Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) nên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình hai bà.

Qua tìm hiểu tôi được biết, lợi dụng việc trực tiếp quản lý, sử dụng và ở cùng mẹ mà gia đình bà Bùi Thị X, bà Lê Thị Đ đã tự ý kê khai đứng tên trên bản đồ đối với toàn bộ quyền sử dụng đất là tài sản chung của bố mẹ tôi. Toàn bộ quyền sử dụng đất là tài sản chung của bố mẹ tôi tại Bản đồ 299 là thửa 375, tờ bản đồ số 02, tổng diện tích 2032m² đứng tên chủ sử dụng chung của ông Vũ Văn H3 và bà Lê Thị Đ (bà Đ là người đứng tên trong Sổ mục kê 299). Khi Nhà nước tiến hành đo vẽ bản đồ hiện trạng năm 1994 thì toàn bộ diện tích đất của bố mẹ tôi được tách thành 02 thửa:

- Thửa 367, tờ bản đồ số 03 phường Đông Hải, tên chủ sử dụng đất là bà Đ, diện tích là 1016m²;

- Thửa 368, tờ bản đồ số 03 phường Đông Hải, tên chủ sử dụng đất Vũ Văn H3, diện tích 1794m².

Ngày 25/11/2008, ông Vũ Văn H3, bà Bùi Thị X đã được UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số AM 964277 đối với thửa đất 368, tờ bản đồ số 03 phường Đông Hải, diện tích 1520m² tại địa chỉ: phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 25/11/2008, bà Lê Thị Đ được UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số AM 964275 tại thửa đất 367, tờ bản đồ 03 phường Đông Hải, diện tích 1017m²; địa chỉ: phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 24/11/2009, anh trai tôi là Vũ Văn H3 chết không để lại di chúc. Ngày 24/9/2014, bà Bùi Thị X làm thủ tục chuyển nhượng một phần thửa đất số 368 tờ bản đồ số 3 tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải cho bà Nguyễn Thị Q với diện tích 520,6m² đất ở. Bà Nguyễn Thị Q đã được UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số BX 516599 đối với thửa đất 368-1, tờ bản đồ số 03 ngày 03/10/2014. Diện tích đất còn lại sau khi giảm trừ làm ngõ đi chung tại thửa đất số 368 tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính phường Đông Hải là 883,4m².

Ngày 19/8/2019, bà Bùi Thị X làm thủ tục chuyển nhượng một phần thửa đất số 368, tờ bản đồ số 3 tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, diện tích 474,0m² cho ông Vũ Văn S (con ông Vũ Văn Đ2), và Vũ Văn Th1 (cháu nội ông Vũ Văn Đ2). Ông S, ông Th1 đã được UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số CT 641399 ngày 15/01/2020 đối với một phần thửa đất số 368, tờ bản đồ số 03, hiện là thửa 846, tờ bản đồ số 03 bản đồ phường Đông Hải, đứng tên chủ sử dụng đất Vũ Văn S - Vũ Văn Th1.

Cùng ngày 19/8/2019, bà Bùi Thị X làm thủ tục chuyển nhượng một phần thửa đất số 368, tờ bản đồ số 3 tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, diện tích 100,0m² cho bà Lê Thị D1 (con dâu tôi). Bà Lê Thị D1 đã được UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số CT 641400 ngày 15/01/2020 đối với một phần thửa đất số 368, tờ bản đồ số 03, hiện là thửa 847, tờ bản đồ số 03 bản đồ phường Đông Hải. Phần diện tích còn lại là 305,4m² bà Bùi Thị X đã được UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số CT 641397 ngày 15/1/2020, hiện là thửa số 845, tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính phường Đông Hải, đứng tên chủ sử dụng đất Bùi Thị X.

Việc bà Bùi Thị X, bà Lê Thị Đ (không phải là người thừa kế của mẹ tôi) chiếm giữ di sản do bố mẹ tôi để lại là khoảng 2500m² tại thửa 367, 368 tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, và tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho những người liên quan khác, ngăn cản các đồng thừa kế chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất nêu trên là không đúng quy định pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền hưởng thừa kế của tôi và các đồng thừa kế khác.

Việc bố mẹ tôi là ông Vũ Văn S1 và bà Nguyễn Thị Q1 chết không để lại di chúc, trước khi chết tài sản do bố mẹ tôi để lại chưa được phân chia đối với

phần di sản thừa kế nêu trên theo quy định của pháp luật. Việc bà Lê Thị Đ, ông Vũ Văn H3 và bà Bùi Thị X tự ý tiến hành kê khai xin cấp GCNQSDĐ đối với toàn bộ diện tích đất của bố mẹ tôi làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp quyền thừa kế của tôi và các đồng thừa kế khác. Vì vậy, đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau:

- Phân chia toàn bộ phần di sản thừa kế do bố mẹ tôi là ông Vũ Văn S1 và bà Nguyễn Thị Q1 để lại có diện tích 2534,7m² thuộc thửa đất số 367, 368, tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính phường Đông Hải đo vẽ năm 1994 theo quy định của pháp luật.

- Hủy GCNQSDĐ số AM 964275 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 25/11/2008 mang tên bà Lê Thị Đ có diện tích 1014,7m², thửa đất số 367, tờ bản đồ số 03, có địa chỉ tại thôn Sơn Vạn, xã Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy GCNQSDĐ số AM 964277 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 25/11/2008 mang tên ông Vũ Văn H3 và bà Bùi Thị X có diện tích 1530m², thửa đất số 368, tờ bản đồ số 03, có địa chỉ tại thôn Sơn Vạn, xã Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy GCNQSDĐ số CT 641400 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 15/01/2020 mang tên bà Lê Thị D1 có diện tích 102m², thửa đất số 847, tờ bản đồ số 3, có địa chỉ tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy GCNQSDĐ số CT 641399 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 15/01/2020 mang tên ông Vũ Văn S và ông Vũ Văn Th1 có diện tích 476m², thửa đất số 846, tờ bản đồ số 3, có địa chỉ tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy GCNQSDĐ số CT 641397 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 15/01/2020 mang tên bà Bùi Thị X có diện tích 305,4m², thửa đất số 845, tờ bản đồ số 3, có địa chỉ tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy GCNQSDĐ số BX 516599 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 03/10/2014 mang tên bà Nguyễn Thị Q có diện tích 502,6m², thửa đất số 368 -1, tờ bản đồ số 3, có địa chỉ tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

* Ngày 18/11/2020, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về các nội dung:

- Hủy GCNQSDĐ số CT 641400 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 15/01/2020 mang tên bà Lê Thị D1 có diện tích 102m², thửa đất số 847, tờ bản đồ số 3, có địa chỉ tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy GCNQSDĐ số CT 641399 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 15/01/2020 mang tên ông Vũ Văn S và ông Vũ Văn Th1 có diện tích 476m², thửa đất số 846, tờ bản đồ số 3, có địa chỉ tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy GCNQSDĐ số CT 641397 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 15/01/2020 mang tên bà Bùi Thị X có diện tích 305,4m², thửa đất số 845, tờ bản đồ số 3, có địa chỉ tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*** Ý kiến của các bị đơn:**

1. *Ý kiến của bà Bùi Thị X:* Chồng tôi là con cả trong gia đình, bố mẹ chồng đã cho vợ chồng tôi đất từ ngày chúng tôi lập gia đình, ở chung cùng bố mẹ. Chồng tôi đi đánh Pháp, đánh Mỹ đến năm 1975 được nghỉ hưu. Năm 1976 con tôi chết vì chất độc màu da cam (con sinh năm 1959). Năm 1990 gia đình tôi được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Từ trước đến nay chúng tôi sinh sống bình thường không có tranh chấp hay lấn chiếm với láng giềng hoặc phố phường. Nay bà D đi khởi kiện chia thừa kế tôi không đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

2. *Bà Lê Thị Đ:* Tôi xây dựng gia đình với ông Vũ Văn S2 từ năm tôi 18 tuổi, vợ chồng tôi ở được 03 năm thì bố mẹ cho vợ chồng tôi đất ở riêng. Từ ngày đó đến nay vợ chồng tôi sinh sống trên đất, không tranh chấp lấn chiếm với ai. Năm 1979 bố chồng tôi chết, năm 1987 mẹ chồng tôi chết, từ đó đến nay chúng tôi không tranh chấp với ai.

Bố mẹ chồng tôi chết đến nay đã 40 năm, không để lại di chúc, gia đình chúng tôi được bố mẹ cho đất và sinh sống trên đất đã hơn 80 năm. Nay bà D đi khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là không đúng. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. *Ông Vũ Văn S trình bày:* Ông Vũ Văn S1 và bà Nguyễn Thị Q1 là ông bà nội của tôi. Ông bà có 04 người con là ông Vũ Văn H3, ông Vũ Văn S2, ông Vũ Văn Đ2 (là bố tôi) và bà Vũ Thị D. Sinh thời ông bà nội tạo lập được một khối tài sản là 2500m² đất thổ cư tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Thời điểm này Nhà nước chưa tiến hành việc đo vẽ bản đồ địa chính nên toàn bộ diện tích đất nêu trên chưa có số tờ bản đồ và số thửa.

Tôi được biết, trước khi ông bà nội tôi chết đều không để lại di chúc. Ngoài ra, bố tôi là ông Vũ Văn Đ2 cũng chết không để lại di chúc. Sau khi bà nội tôi chết thì ông Vũ Văn H3, bà Vũ Thị X và ông Vũ Văn S2, bà Lê Thị Đ là người trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất có diện tích nêu trên.

Năm 2008 ông Vũ Văn H3 và bà Lê Thị Đ (vợ ông Vũ Văn S2) đã tiến hành kê khai diện tích đất nêu trên. Trên cơ sở đó, UBND thành phố Thanh Hóa

đã cấp GCNQSDĐ số H 01272DH QSDĐ/3630/QĐ-UBND với diện tích 1520m², thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 03, phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa mang tên hộ ông Vũ Văn H3 và GCNQSDĐ số H 01272DH QSDĐ-UBND với diện tích 1014,7m², thuộc thửa đất số 367, tờ bản đồ số 03, phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa mang tên hộ bà Lê Thị Đ. Tại thời điểm ông Vũ Văn H3 và bà Lê Thị Đ kê khai cấp GCNQSDĐ tại thửa đất do ông bà nội tôi để lại thì bố mẹ tôi sinh sống tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên không biết việc ông Vũ Văn H3 và bà Lê Thị Đ kê khai xin cấp GCNQSDĐ thửa đất nêu trên.

Năm 2009, ông Vũ Văn H3 chết không để lại di chúc. Năm 2014 bà Bùi Thị X làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế đối với diện tích 1520m², thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 03, phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa; đồng thời, chuyển nhượng một phần diện tích đất thửa đất có thông tin nêu trên cho bà Nguyễn Thị Q.

Năm 2019, bà Bùi Thị X chuyển nhượng cho tôi và ông Vũ Văn Th1 một phần diện tích là 474m² trong diện tích thửa đất mà bà đang quản lý và sử dụng để tôi và ông Vũ Văn Th1 chăm lo, hương hỏa cho tổ tiên. Đồng thời, bà Bùi Thị X chuyển nhượng 102m² đất cho bà D1 - con dâu bà D, do bà D chưa nhận được phần di sản do ông Vũ Văn S1 và bà Nguyễn Thị Q1 để lại.

Ngày 19/8/2019, bà Bùi Thị X đã tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng 474m² đất tại thửa đất số 368, tờ bản đồ số 03, phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa cho tôi và ông Vũ Văn Th1. Ngày 15/01/2020 UBND thành phố Thanh Hóa đã cấp cho tôi và ông Vũ Văn Th1 GCNQSDĐ số CT 641399 - hiện là thửa 846, tờ bản đồ số 03, phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa.

Nay, bà Vũ Thị D có yêu cầu khởi kiện gửi tới Quý Tòa để phân chia di sản thừa kế của ông Vũ Văn S1 và bà Nguyễn Thị Q1, đề nghị Quý Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Bà Hoàng Thị Th: Tôi và ông Vũ Văn Thanh kết hôn năm 1989 và về sống tại thôn Tiền Châu, xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Chồng tôi là con trai đầu của ông Vũ Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị B. Chúng tôi sinh được 02 con là Vũ Văn H3, Vũ Văn Th1. Chồng tôi Vũ Văn Thanh chết năm 1997.

Bố chồng tôi có 04 anh em là ông Vũ Văn H3, ông Vũ Văn S2, ông Vũ Văn Đ2 và bà Vũ Thị D. Trước khi ông Vũ Văn S1 và bà Nguyễn Thị Q1 chết không để lại di chúc; bố chồng tôi là ông Vũ Văn Đ2 chết cũng không để lại di chúc. Sau khi ông Vũ Văn S1 và bà Nguyễn Thị Q1 chết thì ông Vũ Văn H3, bà Vũ Thị X và ông Vũ Văn S2, bà Lê Thị Đ là người trực tiếp quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích 2500m² đất do ông S1, bà Q1 để lại tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Năm 2008, ông Vũ Văn H3 và bà Lê Thị Đ (vợ ông Vũ Văn S2) kê khai diện tích đất nêu trên và được UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vũ Văn H3 và hộ bà Lê Thị Đ. Tại thời điểm ông Vũ Văn H3 và bà Lê Thị Đ kê khai cấp GCNQSDĐ bố mẹ chồng tôi đang sinh sống tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa; còn tôi và chồng tôi sinh sống tại thôn Tiền Châu, xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên không biết việc ông H3, bà Đ tiến hành kê khai xin cấp GCNQSDĐ.

Năm 2019, bà Bùi Thị X chuyển nhượng cho ông Vũ Văn S và ông Vũ Văn Th1 474m² để ông Vũ Văn S và ông Vũ Văn Th1 chăm lo, hương hỏa cho tổ tiên và chuyển nhượng 102m² cho bà D1 là con dâu bà D, do bà D chưa nhận được phần di sản do ông Vũ Văn S1 và bà Nguyễn Thị Q1 để lại. Hiện tại ông Vũ Văn S, ông Vũ Văn Th1 và bà Lê Thị D1 đã được UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ.

Nay, bà Vũ Thị D yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Vũ Văn S1 và bà Nguyễn Thị Q1 để lại, đề nghị Quý Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Bà Nguyễn Thị B (vợ ông Vũ Văn Đ2): Chồng tôi là ông Vũ Văn Đ2, chúng tôi kết hôn năm 1968. Vợ chồng tôi có 02 con gồm là Vũ Văn Thanh, Vũ Văn S. Bố mẹ chồng tôi sinh được 04 người con gồm: ông Vũ Văn H3, ông Vũ Văn S2, ông Vũ Văn Đ2 và bà Vũ Thị D và tạo lập được 2500m² đất thổ cư tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa nhưng diện tích đất nêu trên chưa có sổ tờ bản đồ và sổ thừa cụ thể.

Sau khi vợ chồng tôi kết hôn, năm 1969 vợ chồng tôi được ông Vũ Văn S1 và bà Nguyễn Thị Q1 tặng cho diện tích khoảng 700m² đất, trên thửa đất đã được xây dựng một căn nhà ba gian có diện tích khoảng 100m² nằm trên thửa đất của bố mẹ chồng tôi tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thửa đất có ranh giới phía đông giáp với nhà ông Vũ Văn H3, phía bắc giáp ngõ đi vào, phía nam giáp bờ sông, phía còn lại giáp nhà ông Trần Văn Thành. Do chồng tôi đi bộ đội phải sinh hoạt tại đơn vị nơi đóng quân, còn tôi làm công nhân tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nên gia đình tôi chuyển đến sinh sống tại thôn Thành Vinh, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa để thuận tiện cho công việc của hai vợ chồng.

Năm 1979, bố chồng tôi là ông Vũ Văn S1 chết không để lại di chúc, mẹ chồng tôi là bà Nguyễn Thị Q1 tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất nêu trên. Đến năm 1987, mẹ chồng tôi chết không để lại di chúc. Trước khi chết bố mẹ chồng tôi không chia thửa đất trên cho ai. Sau khi bố mẹ chồng tôi chết, vợ chồng ông Vũ Văn H3 và Vũ Văn S2 quản lý, sử dụng. Năm 1998 chồng tôi là ông Vũ Văn Đ2 chết không để lại di chúc. Năm 2008 ông Vũ Văn H3 và bà Lê Thị Đ (vợ ông Vũ Văn S2) kê khai diện tích đất nêu trên và được UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ diện tích 1520m² cho hộ ông Vũ Văn H3; và diện tích 1014,7m²

cho hộ bà Lê Thị Đ. Tại thời điểm ông Vũ Văn H3 và bà Lê Thị Đ kê khai cấp GCNQSDĐ tôi đang sinh sống tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, không biết việc ông H3 và bà Đ kê khai xin cấp GCNQSDĐ thửa đất nêu trên.

Năm 2009, ông Vũ Văn H3 chết không để lại di chúc. Do vợ chồng bà Bùi Thị X và ông Vũ Văn H3 không có con nên đến năm 2019, bà Bùi Thị X đã chuyển nhượng cho con trai tôi là Vũ Văn S và cháu tôi là Vũ Văn Th1 474m² để chăm lo, hương hỏa cho tổ tiên và 102m² cho bà Vũ Thị D, nhưng để bà Lê Thị D1 là con dâu bà D đứng tên trên GCNQSDĐ.

Nay, bà Vũ Thị D có yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Vũ Văn S1 và bà Nguyễn Thị Q1, đề nghị Quý Tòa giải quyết quy định của pháp luật.

4. Ý kiến của bà Lê Thị D1: Tôi là con dâu của bà Vũ Thị D. Năm 1993 tôi kết hôn với anh Vũ Văn Kh. Tôi biết, ông bà ngoại của chồng tôi (ông S1, bà Q1) sinh được 04 người con gồm: ông Vũ Văn H3, ông Vũ Văn S2, ông Vũ Văn Đ2 và bà Vũ Thị D, và tạo lập được một khối tài sản là 2500m² đất thổ cư tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; ông bà chết không để lại di chúc.

Ngày 19/8/2019, bà Bùi Thị X muốn chuyển nhượng 100m² đất cho mẹ chồng tôi. Do mẹ chồng tôi đã già nên không thể tự mình làm các thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, nên đã làm thủ tục chuyển nhượng 102m² tại thửa đất số 368, tờ bản đồ số 03, phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa cho tôi. Trên cơ sở đó, ngày 15/01/2020 UBND thành phố Thanh Hóa đã cấp cho tôi GCNQSDĐ số CT 641400, hiện là thửa 847, tờ bản đồ số 03, phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nay, mẹ chồng tôi là bà Vũ Thị D khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Vũ Văn S1 và bà Nguyễn Thị Q1; đề nghị Quý Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Ông Vũ Văn Th1: Tôi là con trai của ông Vũ Văn Thanh và bà Hoàng Thị Th. Ông nội tôi là ông Vũ Văn Đ2 được ông bà cụ nội tôi là ông S1, bà Q1 dựng cho một căn nhà ba gian tại thửa đất của các cụ nội, nhưng do ông nội tôi đi bộ đội và bà nội tôi làm công nhân tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nên ông bà nội tôi cùng các con sinh sống tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Dịp lễ, tết gia đình tôi mới về nhà tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Do bà Bùi Thị X và ông Vũ Văn H3 không có con, nên bà X muốn tôi và chú tôi là ông Vũ Văn S lo hương hỏa cho tổ tiên. Ngày 19/8/2019 bà Bùi Thị X làm thủ tục chuyển nhượng 474m² đất tại thửa đất số 368, tờ bản đồ số 03, phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa cho tôi và chú S. Khi đó gia đình tôi

mới biết diện tích đất có ngôi nhà ba gian cụ S1, cụ Q1 đã dựng cho ông nội của tôi là ông Vũ Văn Đ2 đã được bà Bùi Thị X kê khai và đã được cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Vũ Văn H3 và bà Bùi Thị X.

Ngày 15/01/2020, UBND thành phố Thanh Hóa đã cấp cho ông Vũ Văn S và tôi GCNQSDĐ số CT 641399, hiện là thửa 846, tờ bản đồ số 03, phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngoài ra, bà Bùi Thị X còn chuyển nhượng cho thím tôi là bà Lê Thị D1 (là con dâu của bà Vũ Thị D) 100m², bà Lê Thị D1 cũng đã được UBND thành phố Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ. Hiện tại bà Bùi Thị X còn lại 305,4m² hiện trạng là đang xây dựng nhà thờ, và do ông Đ1 (con trai của bà Lê Thị Đ) đang quản lý và sử dụng. Còn phần diện tích đất mà bà Lê Thị Đ đang quản lý và sử dụng bao nhiêu tôi không nắm rõ, chỉ được biết là hiện tại thửa đất bà Lê Thị Đ cũng đã được cấp GCNQSDĐ mang tên hộ bà Lê Thị Đ. Nay, bà Vũ Thị D khởi kiện phân chia di sản thừa kế, đề nghị Quý Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Ông Vũ Văn H2 là đối tượng tâm thần hiện đang được tiếp nhận nuôi dưỡng tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Thanh Hoá từ ngày 01/11/2000 đến nay. Tình trạng của ông H2 hiện nay là bệnh nhân tâm thần đặc biệt nặng, chỉ trả lời được một vài câu hỏi đơn giản, không nhận thức và xác định, kiểm soát được hành vi của mình.

6. UBND thành phố Thanh Hoá: Không gửi ý kiến cho Tòa án.

7. Ý kiến của UBND phường Đông Hải, thành phố Thanh Hoá: Tại Công văn số 20/UBND-ĐCXD ngày 26/8/2020: Qua khai thác hồ sơ lưu về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vũ Văn H3, bà Bùi Thị Sâm ngày 05/9/2008 và hồ sơ hộ ông Vũ Văn S2, bà Lê Thị Đ ngày 05/9/2008. Hội đồng tư vấn đất đai xã Đông Hải và ý kiến khu dân cư phố Sơn Vạn đã xác định nguồn gốc đất của ông Vũ Văn H3, ông Vũ Văn S2 là đất ông cha để lại từ những năm 1960. Trên Sổ mục kê 299 lập năm 1985 ghi tên ông Vũ Văn H3 là do thời điểm đó đoàn đo vẽ đã đo chung thửa đất với gia đình ông Vũ Văn S2.

Theo bản khai quan hệ nhân thân của gia đình thì ông S1, bà Q1 sinh được 04 người con là ông Vũ Văn H3, ông Vũ Văn S2, ông Vũ Văn Đ2, bà Vũ Thị D. Ngoài ra, ông S1, bà Q1 không còn người con nào khác.

8. Việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Về đất: Đo đạc hiện trạng thửa 367 hộ bà Lê Thị Đ diện tích 1038,6m²; thửa 368 bà Bùi Thị X 881,9m²; giá đất tại vị trí đất đang tranh chấp theo quy định của Nhà nước là 2.500.000đ/m².

- Về tài sản trên đất:

+ Trên thửa đất 367 gồm: 01 nhà cấp 4 lợp ngói (45,4m²), sân gạch, công trình phụ, mái tôn, 02 nhà cũ đã sập, hỏng không còn giá trị sử dụng (41,9m²).

+ Trên thửa đất 368 gồm: 01 nhà cấp 4 lợp ngói (58,1m²), 01 nhà ngang lợp ngói, sân gạch, công trình phụ, mái tôn, một số cây ăn quả.

9. Ngày 13/02/2023 Toà án nhận được Công văn số 34/CV-CNVPĐK của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thanh Hoá về việc giải quyết cấp GCNQSDĐ cho ông Vũ Văn Đ1 do nhận chuyển nhượng từ bà Bùi Thị X, theo GCNQSDĐ số DE335698 do UBND thành phố Thanh Hoá cấp ngày 03/8/2023, nội dung: Văn phòng đang thực hiện việc lập thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông Vũ Văn Đ1 do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Bùi Thị X, theo GCNQSDĐ số DE 335698 do UBND thành phố Thanh Hoá cấp ngày 03/8/2022, địa chỉ thửa đất: phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hoá (GCNQSDĐ số DE 335698 được cấp lại theo Bản án phúc thẩm số 300/2021/HC-PT của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội). Đề nghị Toà án thông tin về tình hình giải quyết vụ án dân sự chia thừa kế để Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thanh Hoá giải quyết đề nghị được cấp GCNQSDĐ của công dân.

Tại Bản án sơ dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Căn cứ Điều 34; khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 612 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị D, cụ thể:

- Phân chia di sản thừa kế do cụ Vũ Văn S1 và cụ Nguyễn Thị Q1 để lại có diện tích 2534,7m² thuộc thửa đất số 367, 368, tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính phường Đông Hải đo vẽ năm 1994 theo quy định của pháp luật.

- Hủy GCNQSDĐ số AM 964275 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 25/11/2008 mang tên bà Lê Thị Đ, diện tích 1014,7m², thửa đất số 367, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: thôn Sơn Vạn, xã Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy GCNQSDĐ số AM 964277 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 25/11/2008 mang tên ông Vũ Văn H3 và bà Bùi Thị X, diện tích 1530m², thửa đất số 368, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: thôn Sơn Vạn, xã Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy GCNQSDĐ số BX 516599 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 03/10/2014 mang tên bà Nguyễn Thị Q, diện tích 502,6m², thửa đất số 368-1, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: thôn Sơn Vạn, xã Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Đình chỉ xét xử phần nội dung bà Vũ Thị D đã rút gồm:

- Hủy GCNQSDĐ số CT 641400 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 15/01/2020 mang tên bà Lê Thị D1, diện tích 102m², thửa đất số 847, tờ bản đồ số 3; địa chỉ: phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy GCNQSDĐ số CT 641399 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 15/01/2020 mang tên ông Vũ Văn S và ông Vũ Văn Th1, diện tích 476m², thửa đất số 846, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy GCNQSDĐ số CT 641397 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 15/01/2020 mang tên bà Bùi Thị X, diện tích 305,4m², thửa đất số 845, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/6/2024, nguyên đơn bà Vũ Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Bị đơn vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn Đ1, bà Lê Thị B và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ bản đồ 299 và sổ mục kê xã Đông H3 khi cấp GCNQSDĐ đúng thủ tục, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thấy có căn cứ xác định tài sản đang tranh chấp là di sản của cụ S1 và cụ Quyết, hai cụ chết không để lại di chúc. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản tranh chấp không còn là di sản của hai cụ là không đúng, không đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X chết năm 2022, tài sản thì do ông Đ1, bà B đang quản lý nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn đưa bà X vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là không đúng, vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án

sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND thành phố Thanh Hoá cấp cho các bị đơn và yêu cầu chia di sản thừa kế nên Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị D làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị X đã chết năm 2022, bà X không có con nhưng bản án sơ thẩm không xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X hoặc người đang quản lý tài sản của bà X cũng như không yêu cầu phía nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện đối với phần đất mà trước đây bà X quản lý là không đúng, vi phạm thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã rút các nội dung yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CT 641400 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 15/01/2020 cho bà Lê Thị D1, diện tích 102m² tại thửa đất số 847, tờ bản đồ số 3; Hủy GCNQSDĐ số CT 641399 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 15/01/2020 cho các ông Vũ Văn S, Vũ Văn Th1, diện tích 476m² tại thửa đất số 846, tờ bản đồ số 3; Hủy GCNQSDĐ số CT 641397 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 15/01/2020 cho bà Bùi Thị X, diện tích 305,4m² tại thửa đất số 845, tờ bản đồ số 3, đều có địa tại phố Sơn Vạn, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đương sự là tự nguyện, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị D, Hội đồng xét xử thấy:

Thửa đất số 367, 368, tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính phường Đông Hải do vẽ năm 1994 các đương sự trong vụ án đều thừa nhận có nguồn gốc do bố mẹ các đương sự là cụ Vũ Văn S1 và cụ Nguyễn Thị Q1 để lại. Quá trình sinh sống các cụ S1, cụ Q1 sinh sống trên thửa đất cùng các con. Năm 1979 cụ S1 chết không để lại di chúc, cụ Q1 trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất tên. Năm 1987 cụ Q1 chết, không để lại di chúc. Khi còn sống các cụ S1, cụ Q1 chưa cho tặng ai

cũng như chưa có văn bản phân chia quyền sử dụng đất cho các con, mà chỉ tạm giao cho ông Vũ Văn H3 quản lý sử dụng. Trong đơn xin xác nhận thời gian và nguồn gốc sử dụng đất của bà Đ và Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư cũng thể hiện nguồn gốc đất do ông cha để lại. Đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ của ông Vũ Văn H3, bà Bùi Thị X; đơn xin xác nhận thời gian và nguồn gốc sử dụng đất của ông H3, bà X và Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư cũng thể hiện nguồn gốc đất được cha ông để lại năm 1960; đơn đăng ký quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cũng không xuất trình được bất cứ giấy tờ gì thể hiện được bố mẹ tặng cho, phân chia quyền sử dụng đất.

Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng mặc dù diện tích đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế, các đương sự đều thừa nhận có nguồn gốc đất của của S1, cụ Q1 nhưng ngay từ những năm 1959, 1960 khi hai cụ còn sống trên đất thì vợ chồng ông H3 và vợ chồng ông S2 đã được sử dụng đất, xây nhà trên đất và đứng tên trên GCNQSDĐ, trong khi các cụ S1, cụ Q1 không được đứng tên trên GCNQSDĐ từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không xuất trình được căn cứ cho rằng trước khi chết bố mẹ bị đơn đã phân chia nhà đất cho các con, do đó thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ do về tố tụng cấp sơ thẩm còn thiếu sót trong quá trình xác định tư cách tham gia tố tụng cũng như tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn là đúng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết đã xác định sai tư cách tham gia tố tụng và nội dung thì xác định sai nguồn gốc tài sản đang tranh chấp.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Toàn án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà Vũ Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị D;

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị D không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THA dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học